

TỈNH ỦY HẢI DƯƠNG

VĂN PHÒNG

*

số 27-BC/VPTU

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Hải Dương, ngày 18 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

thống kê công tác văn thư, lưu trữ và tài liệu lưu trữ năm 2020

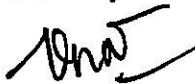
Thực hiện Công văn số 1478-CV/CLT, ngày 18/12/2020 của Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng về việc thống kê công tác văn thư, lưu trữ và tài liệu lưu trữ năm 2020, Văn phòng Tỉnh uỷ Hải Dương báo cáo cụ thể như sau:

Biểu 1: SỐ LƯỢNG VĂN BẢN CHỈ ĐẠO VÀ HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC VĂN THƯ NĂM 2019

Đơn vị tính: Văn bản

	Mã số	Tổng số	Quy chế, quy trình văn thư	Danh mục hồ sơ	Quy định khác về văn thư
A	B	01=02+03+04	02	03	04
TỔNG SỐ	01				
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	3		1	2
2. Cơ quan, TC cấp II	03				
3. Cơ quan, TC cấp III	04				
4. Cơ quan, TC cấp IV	05				
5. Cấp huyện	06	2			2
6. Cấp xã	07				

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga



THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

CHÁNH VĂN PHÒNG
NGUYỄN VIỆT HẢI

Biểu số: 0907.N/BNV-VTLT

Đơn vị báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy Hải Dương

Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018

Đơn vị nhận báo cáo: Cục Lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng

Ngày nhận báo cáo:
Ngày tháng năm

SỐ TỔ CHỨC LƯU TRỮ
Năm 2020

	Mã số	Tổng số	Trung tâm lưu trữ và tương đương	Phòng lưu trữ	Tổ lưu trữ	Bộ phận lưu trữ
A	B	01=02+...+05	02	03	04	05
I. Lưu trữ cơ quan	01					
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	1		1		
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03					
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04					
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05					
5. Cấp huyện	06					
6. Cấp xã	07					
II. Lưu trữ lịch sử	08	1		1		

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga



THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Nguyễn Việt Hải

Biểu số: 0902.N/BNV-VTLT

Đơn vị báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy Hải

Ban hành theo Thông tư số 03/2018/TT-
BNV ngày 06/3/2018

Đơn vị nhận báo cáo: Cục Lưu trữ Văn
phòng Trung ương Đảng

Ngày nhận báo cáo:

Ngày tháng năm

SỐ TỔ CHỨC VĂN THƯ
Năm 2020

Đơn vị tính: Tổ chức

	Mã số	Tổng số	Tổ chức văn thư độc lập	Tổ chức văn thư không độc lập
A	B	01=02+03	02	03
TỔNG SỐ	01			
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	17	1	16
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03			
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04			
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05			
5. Cấp huyện	06	204		204
6. Cấp xã	07	235		235

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga



THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Nguyễn Viết Hải

Biểu số: 0903.N/BNV-VTLT

Đơn vị báo cáo: Văn phòng Tỉnh uỷ Hải Dương

Ban hành theo Thông tư số

03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018

Đơn vị nhận báo cáo: Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

Ngày nhận báo cáo:

Ngày tháng năm

SỐ NHÂN SỰ LÀM CÔNG TÁC VĂN THƯ

Năm 2020

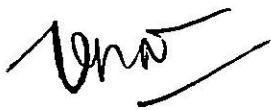
Đơn vị tính: Người

	Mã số	Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã
A	B	01=02+...+07	02	03	04	05	06	07
1. Tổng số nhân sự (có đến 31-12 năm báo cáo)	01	456	17				204	235
Trong đó: Nữ	02		16					
Trong đó: Chuyên trách	03		4					
2. Chia theo trình độ đào tạo								
a) Trên đại học	04							
b) Đại học	05		17				204	235
Trong đó: chuyên ngành văn thư, lưu trữ.	06		1				2	
c) Cao đẳng	07							
Trong đó: chuyên ngành văn thư, lưu trữ.	08		1					
d) Trung cấp	09							
Trong đó: chuyên ngành văn thư, lưu trữ.	10		2					
đ) Sơ cấp (tập huấn ngắn hạn)	11							
Trong đó: chuyên ngành văn thư, lưu trữ.	12							

3. Chia theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, chức danh nghề nghiệp văn thư								
Văn thư chính và tương đương.	13							
Văn thư và tương đương.	14							
Văn thư trung cấp và tương đương.	15							
Khác	16							
4. Chia theo nhóm tuổi								
Từ 30 trở xuống	17							
Từ 31 đến 40	18							
Từ 41 đến 50	19							
Từ 51 đến 55	20							
Từ 56 đến 60	21							
Trên 60 tuổi	22							

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga



Nguyễn Việt Hải

Biểu số: 0904.N/BNV-VTLT

Đơn vị báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy Hải Dương

Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018

Đơn vị nhận báo cáo: Cục Lưu trữ Văn phòng Trung
ương Đảng

Ngày nhận báo cáo:

Ngày tháng năm

SỐ LƯỢNG VĂN BẢN

Năm 2020

Đơn vị tính: Văn bản

	Mã số	Văn bản đi			Văn bản đến		
		Tổng số	Nền giấy	Điện tử	Tổng số	Nền giấy	Điện tử
A	B	01=02+03	02	03	04=05+06	05	06
TỔNG SỐ	01						
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	14535	13298	1237	43643	37945	5698
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03						
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04						
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05						
5. Cấp huyện	06	26011	19895	6116	31993	28095	3898
6. Cấp xã	07	26147	24460	1687	29450	20830	8620

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Thị Nga



Nguyễn Việt Hải

Biểu số: 0905.N/BNV-VTLT

Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018

Ngày nhận báo cáo:
Ngày tháng năm sau

Đơn vị báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy Hải Dương

Đơn vị nhận báo cáo: Cục Lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng

SỐ LƯỢNG HỒ SƠ

Năm 2020

Đơn vị tính: Hồ sơ

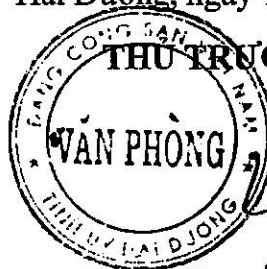
	Mã số	Tổng số	Hồ sơ nền giấy	Hồ sơ điện tử
A	B	01=02+03	02	03
TỔNG SỐ	01			
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	482	482	
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03			
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04			
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05			
5. Cấp huyện	06	2265	2265	
6. Cấp xã	07	1817	1817	

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga



THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Nguyễn Việt Hải

Biểu số: 0907.N/BNV-VTLT

Đơn vị báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy Hải Dương

Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018

Đơn vị nhận báo cáo: Cục Lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng

Ngày nhận báo cáo:
Ngày tháng năm

SỐ TỒ CHỨC LƯU TRỮ
Năm 2020

	Mã số	Tổng số	Trung tâm lưu trữ và tương đương	Phòng lưu trữ	Tổ lưu trữ	Bộ phận lưu trữ
A	B	01=02+...+05	02	03	04	05
I. Lưu trữ cơ quan	01					
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	1		1		
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03					
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04					
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05					
5. Cấp huyện	06					
6. Cấp xã	07					
II. Lưu trữ lịch sử	08	1		1		

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga

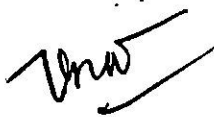


Nguyễn Viết Hải

Trong đó: chuyên ngành văn thư, lưu trữ	12								
3. Chia theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, chức danh nghề nghiệp lưu trữ									
Lưu trữ viên chính và tương đương	13								
Lưu trữ viên và tương đương	14			2					
Lưu trữ viên trung cấp và tương đương	15								
Khác	16			3					
4. Chia theo nhóm tuổi									
Từ 30 trở xuống	17								
Từ 31 đến 40	18								
Từ 41 đến 50	19			5					
Từ 51 đến 55	20								
Từ 56 đến 60	21								
Trên 60 tuổi	22								

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga



HỘI TRƯỞNG CƠ QUAN

Nguyễn Viết Hải

Biểu số: 0909.N/BNV-VTLT

Ban hành theo Thông tư số

03/2018/TT-BNV ngày

06/3/2018

Ngày nhận báo cáo:

Ngày tháng năm sau

Đơn vị báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy Hải

Đơn vị nhận báo cáo: Cục Lưu trữ Văn
phòng Trung ương Đảng

SỐ TÀI LIỆU LƯU TRỮ

Năm 2020

	Mã số	Đơn vị tính	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
			Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	01=02+...+07	02	03	04	05	06	07	08
1. Tổng số phông/sưu tập/công trình lưu trữ (có đến 31-12 năm báo cáo)	01	Phông/ sưu tập/công trình	354	18				34	237	65
Trong đó: Số sưu tập	02	Sưu tập								
Trong đó: Số công trình	03	Công trình								
2. Số tài liệu nền giấy	04	Hồ sơ/Đơn vị bảo quản	23640	1680				20130	1830	78806
Quy ra mét giá tài liệu	05	Mét giá	146,0	9,8				135	11	459
a) Mức độ xử lý nghịệp vụ	06									
- Số tài liệu đã chỉnh lý hoàn chỉnh	07	Hồ sơ/Đơn vị bảo quản	23640	218				20130	1830	78806
Quy ra mét giá tài liệu	08	Mét giá	138	2				135	11	459

- Số tài liệu đã chỉnh lý sơ bộ	09	Hồ sơ/Đơn vị bảo quản								
Quy ra mét giá tài liệu	10	Mét giá								
- Số tài liệu chưa chỉnh lý	11	Mét giá					100			20
b) Số tài liệu bị hư hỏng	12	Mét giá								
3. Số tài liệu bản đồ	13	Tấm								
a) Số tài liệu đã thống kê biên mục	14	Tấm								
b) Số tài liệu bị hư hỏng	15	Tấm								
4. Số tài liệu ghi âm	16	Cuộn, băng, đĩa								
Quy ra số giờ nghe	17	Giờ nghe								
a) Số tài liệu đã thống kê biên mục	18	Cuộn, băng, đĩa								
Quy ra giờ nghe	19	Giờ nghe								
b) Số tài liệu bị hư hỏng	20	Cuộn, băng, đĩa								
5. Số tài liệu ghi hình	21	Cuộn, băng, đĩa								
Quy ra số giờ chiếu	22	Giờ nghe								
a) Số tài liệu đã thống kê biên mục	23	Cuộn, băng, đĩa								
Quy ra giờ chiếu	24	Giờ nghe								
b) Số tài liệu bị hư hỏng	25	Cuộn, băng, đĩa								

6. Số tài liệu phim, ảnh	26	Chiếc								
Trong đó: Số phim âm bản	27	Chiếc								
a) Số tài liệu đã thông kê biên mục	28	Chiếc								
b) Số tài liệu bị hư hỏng	29	Chiếc								
7. Số tài liệu điện tử	30	Hồ sơ								
Quy ra dung lượng	31	MB								
Trong đó: Số tài liệu đã có dữ liệu đặc tả	32	Hồ sơ								
Quy ra dung lượng	33	MB								
8. Số tài liệu khác (chi tiết theo tài liệu)	34									

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga

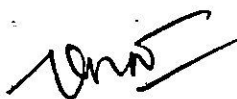


Nguyễn Viết Hải

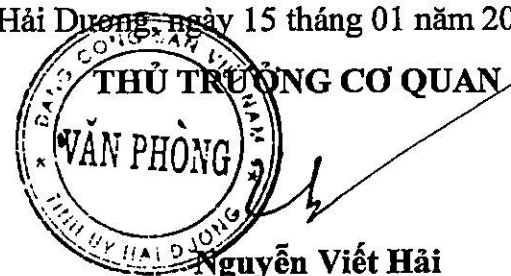
Quy ra giờ nghe	07	Giờ nghe								
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	08	Cuộn, băng, đĩa								
4. Tài liệu ghi hình										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập	09	Cuộn, băng, đĩa								
Quy ra giờ chiếu	10	Giờ chiếu								
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	11	Cuộn, băng, đĩa								
5. Tài liệu phim, ảnh										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	12	Chiếc								
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	13	Chiếc								
6. Tài liệu điện tử										
a) Số tài liệu lưu trữ đã thu thập trong năm	14	Hồ sơ								
Quy ra dung lượng	15	MB								
b) Số tài liệu lưu trữ đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập	16	MB								
7. Số tài liệu khác (chi tiết theo tài liệu)										

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga



d) Số lần trưng bày, triển lãm	10	Lần								
Trong đó: Số lần trưng bày, triển lãm trực tuyến	11	Lần								
đ) Số ấn phẩm xuất bản	12	Ấn phẩm								
Trong đó: Số ấn phẩm điện tử	13	Ấn phẩm								

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga



Nguyễn Việt Hải

Biểu số: 0912.N/BNV-VTLT

Đơn vị báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy Hải Dương

Ban hành theo Thông tư số

03/2018/TT-BNV ngày

06/3/2018

Đơn vị nhận báo cáo: Cục Lưu trữ Văn phòng

Tỉnh ủy Hải Dương

Ngày nhận báo cáo:

Ngày tháng năm

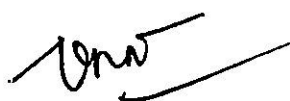
SỐ TÀI LIỆU ĐƯỢC SAO CHỤP

Năm 2020

	Mã số	Đơn vị tỉnh	Lưu trữ cơ quan							Lưu trữ lịch sử
			Tổng số	Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	01=02+...+07	02	03	04	05	06	07	08
1. Số tài liệu nền giấy	01	trang								6070
2. Số tài liệu bản đồ	02									
3. Số tài liệu ghi âm	03									
4. Số tài liệu ghi hình	04									
5. Số tài liệu phim, ảnh	05									
6. Số tài liệu điện tử	06									1050
7. Số tài liệu khác (chi tiết theo tài liệu)	07									

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



Nguyễn Việt Hải

Biểu số: 0913.N/BNV-VTLT

Đơn vị báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy Hải Dương

Ban hành theo Thông tư số
03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018

Đơn vị nhận báo cáo: Cục Lưu trữ Văn phòng Trung
ương Đảng

Ngày nhận báo cáo:
Ngày tháng năm

DIỆN TÍCH KHO LƯU TRỮ
Năm 2020

Đơn vị tính: m²

A	Mã số	Tổng số	Kho chuyên dụng			Kho không chuyên dụng	Kho tạm
			Tổng số	Đã sử dụng để bảo quản tài liệu	Chưa sử dụng để bảo quản tài liệu		
	B	01=02+05+06	02=03+04	03	04	05	06
I. Lưu trữ cơ quan	01						
1. Cơ quan, tổ chức cấp I	02	68					68
2. Cơ quan, tổ chức cấp II	03						
3. Cơ quan, tổ chức cấp III	04						
4. Cơ quan, tổ chức cấp IV	05						
5. Cấp huyện	06	300				300	
6. Cấp xã	07	212					212
II. Lưu trữ lịch sử	08	278				210	68

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga



Nguyễn Việt Hải

Biểu số: 0914.N/BNV-VTLT

Ban hành theo Thông tư số

03/2018/TT-BNV ngày

06/3/2018

Ngày nhận báo cáo:

Ngày tháng năm

Đơn vị báo cáo: Văn phòng Tỉnh ủy Hải Dương

Đơn vị nhận báo cáo: Cục Lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng

SỐ TRANG THIẾT BỊ DÙNG CHO LƯU TRỮ

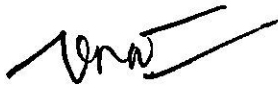
Năm 2020

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Lưu trữ cơ quan						Lưu trữ lịch sử
				Cơ quan, tổ chức cấp I	Cơ quan, tổ chức cấp II	Cơ quan, tổ chức cấp III	Cơ quan, tổ chức cấp IV	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	C	01=02+...+07	02	03	04	05	06	07	08
1. Chiều dài giá/tủ bảo quản tài liệu	01	Mét giá	155	95				60		670
Trong đó: Giá cố định	02	Mét giá	155	95				60		670
Trong đó: Giá di động	03	Mét giá								
2. Camera quan sát	04	Chiếc								
3. Hệ thống chống đột nhập	05	Hệ thống								
4. Hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động	06	Hệ thống								
5. Bình chữa cháy	07	Chiếc		10						10
6. Hệ thống điều hòa nhiệt độ trung tâm	08	Hệ thống								
7. Máy điều hòa nhiệt độ	09	Chiếc		10						10
8. Máy hút ẩm	10	Chiếc								
9. Dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm	11	Chiếc								
10. Thiết bị thông gió	12	Chiếc		6						6

11. Máy khử trùng tài liệu	13	Chiếc							
12. Máy khử axit	14	Chiếc							
13. Hệ thống thiết bị-tu bổ, phục chế tài liệu	15	Hệ thống							
14. Mạng diện rộng	16	Hệ thống		1					1
15. Mạng nội bộ	17	Hệ thống		1					1
16. Máy chủ	18	Chiếc		2					2
17. Ổ lưu dữ liệu	19	Chiếc		6					6
18. Máy vi tính	20	Chiếc							
19. Máy quét (Scanner)	21	Chiếc							
20. Máy sao chụp	22	Chiếc							
21. Các trang thiết bị khác	23								

Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Nga



Nguyễn Việt Hải